

Số: 115 /2025/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 18 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú.

Điều 1. Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày (Có danh sách tại phụ lục I kèm theo) để xác định học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú

Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú được cấp một lần đồ dùng cá nhân bằng hiện vật và mỗi năm học được cấp quần áo đồng phục và học phẩm, định mức trang cấp (Có danh mục tại phụ lục II kèm theo).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2025.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Ninh Bình và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Lãnh đạo UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Các Ban của HĐND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Công TTĐT tỉnh;
 - Lưu: VT, VP5,6,7,10.
- PD_VP6_13.QĐGD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Lan Anh

Phụ lục I
DANH SÁCH CÁC THÔN, BẢN, TỔ DÂN PHỐ LÀM CĂN CỨ XÁC ĐỊNH
HỌC SINH KHÔNG THỂ ĐI ĐẾN TRƯỜNG VÀ TRỞ VỀ NHÀ TRONG NGÀY
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

TT	Tên thôn, bản, tổ dân phố	Ghi chú
1	Thôn Nga 1, thôn Nga 2, thôn Nga 3, thôn Đồng Bót, thôn Đồng Quân, thôn Đồng Tâm, thôn Bãi Cả, thôn Sầm 1, thôn Sầm 2, thôn Sầm 3 thuộc xã Cúc Phương <i>(đây là các thôn thuộc xã Cúc Phương trước sáp nhập xã)</i>	Học sinh tiểu học nhà ở xa trường từ 4 km trở lên, học sinh trung học cơ sở nhà ở xa trường từ 7 km trở lên, học sinh trung học phổ thông nhà ở xa trường từ 10 km trở lên.
2	Bản Xanh, bản Xăm, bản Phùng Thượng, bản Vóng, bản Sạng, bản Thường Sung, bản Đồng Chạo, bản Ao Lươn, bản Mết, bản Sau, bản Ao, bản Cả, bản Tân Phú thuộc xã Phú Long <i>(đây là các bản thuộc xã Kỳ Phú trước sáp nhập xã)</i>	
3	Thôn Tiền Phương 1, thôn Tiền Phương 2, thôn Xuân Viên, thôn Bồng Lai, thôn Bến, thôn Sui, thôn Ròng thuộc xã Cúc Phương <i>(đây là các thôn thuộc xã Văn Phương trước sáp nhập xã)</i>	
4	Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9 và thôn 10 thuộc xã Phú Long <i>(đây là các thôn thuộc xã Phú Long trước sáp nhập xã)</i>	
5	Thôn Đàm Rừng, thôn Quảng Mão, thôn Bãi Lóng, thôn Đồi Ngọc, thôn Đồi Mây, thôn Tiên Phong, thôn Thạch La, thôn Vệ Đình, thôn Vệ Chùa, thôn Lải, thôn Đồi Dài, thôn Đồi Bò, thôn Lạc Bình 1, thôn Lạc Bình 2, thôn Phú Thịnh, thôn Liên Phương, thôn Tân Thành, thôn Đàm Bồng thuộc xã Phú Sơn <i>(đây là các thôn thuộc xã Thạch Bình trước sáp nhập xã)</i>	
6	Thôn Yên Minh, thôn Yên Bình, thôn Yên Phú, thôn Yên Ninh, thôn Yên Thịnh, thôn Yên Sơn, thôn Yên Thủy, thôn Yên Mỹ, thôn Yên Thái thuộc xã Nho Quan <i>(đây là các thôn thuộc xã Yên Quang trước sáp nhập xã)</i>	
7	Tổ dân phố Quảng Thành, tổ dân phố Đồng Thanh, tổ dân phố Đồng Bài, tổ dân phố Đồng Trung, tổ dân phố Quảng Cư, tổ dân phố Hưng Long, tổ dân phố An Ngải, tổ dân phố Đồng Bông thuộc phường Yên Sơn <i>(trước đây là các thôn thuộc xã Quảng Lạc trước sáp nhập xã)</i>	

Phụ lục II
DANH MỤC TRANG CẤP ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN, HỌC PHẨM
CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
I	Đồ dùng cá nhân trang cấp một lần		
1	Chăn cá nhân	Chiếc	01
2	Màn cá nhân	Chiếc	01
3	Chiếu cá nhân	Chiếc	01
4	Gối + Vỏ gối	Bộ	01
5	Đệm + Ga	Chiếc	01
II	Đồ dùng cá nhân và học phẩm trang cấp mỗi năm học		
1	Quần, áo đồng phục	Bộ	02
2	Vở viết	Quyển	40
3	Giấy kiểm tra	Tập	04
4	Bút bi	Chiếc	30
5	Bút chì đen	Chiếc	03
6	Tẩy	Chiếc	01
7	Bộ Compa	Bộ	01
8	Thước đo độ	Chiếc	01
9	Thước kẻ	Chiếc	01
10	Cặp sách hoặc balo	Chiếc	01